

Người Nam Kỳ không lập gia phả

Người Nam Kỳ không lập gia phả



Đó là một câu khẳng định chắc như cây đình đóng cái cột nhà. Gia phả là gì ? Là gia phả hoặc gia phả là phả hệ của một dòng họ, gia đình, là cuốn sách chép tên ông bà tổ tiên, con cháu của một dòng tộc nào đó.

Người Bắc Kỳ xưa rày ta nghe tới là thói “lũy tre làng”, có gia phả, có dòng tộc nghiêm ngặt, có trưông tộc, có nhà thờ tổ, mả tổ, thờy tổ và những quy định nà th với con cháu. Nhưng với dân Nam thì không có, hoặc có hời hợt, hình thức.

Dân Nam Kỳ có câu cười Bắc Kỳ là “Tổ tiên đại bác thụt chưa tới”. Chúng ta biết tổ tiên khai phá dựng lên Nam Kỳ Lục Tỉnh là dân khai hoang, kêu là lưu dân.



Lưu dân là dân phiêu lưu, dân đi xa, dân bỏ làng quê gốc mà ra đi. Đó là người Ngũ Quảng : Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức

(Hu), Quãng Nam, Quãng Ngãi hiệp cùng người Minh Hương, đồng hóa người Khmer, người bản địa Stieng... mà trộn ra dân Nam Kỳ ngày nay.

Đó là dân nghèo rách nát, dân bị lưu đày, bị truy nã, bị làng ruồng bỏ, gái chơa hoang, học trò thất chí, quan bị biếm chức, người thích phiêu lưu, giang hồ lãng t...

“Tới Cà Mau – Rạch Giá
Cột chòi cột lĩa giữa rừng thiêng
Mùi vọt nhieu hơn c
Chướng khí mù như sương
Thân không là lính thú
Sao chưa v c hương?” (Sơn Nam)

Xa hơn dân Ngũ Quảng là những người ị mạn Bắc di cư theo chúa Nguyễn Hoàng vô Trung Kỳ mà Phạm Duy t là ” Gió tiển người v
đón quê hương câu ca giọng Hời.”

“Mộng ngoài biên giới mở h
Chng ngăn được sóng vỗ bờ
Vội đêm mờ h n v trên Tháp ma”

Rời thời chúa Nguyễn, lưu dân Việt từ Ngũ Quảng theo bà Ngọc Vạn vô Mô Xoài, Đng Nai :

“Nhà Bè nước ch y chia hai
Ai v Gia Định Đng Nai thì v”

Gia Định là nơi đô hội, trù phú nhất Nam Kỳ, có nghĩa là định cư nơi an n, phước lớn.

Là những lưu dân tạo ra hợp chúng quc Nam Kỳ, ông bà chúng ta tạo ra một n văn hóa đặc trưng riêng c a Nam Kỳ mà nhìn lại có phần khác ngoài Trung, đ i lập với ngoài Bắc.

Thí dụ Bắc ăn bánh chưng cột 8 miếng hình trụ nhọn, Nam Kỳ ăn bánh tét -tét ra khoanh tròn, Bắc Kỳ uống trà kêu u ng chè, Nam Kỳ kêu trà.

Văn hóa Bắc là lũy tre làng bản góc chôn chặc cái làng giữa,

làng nào sông kiêu làng đó, côm giao lưu trai gái, có hương ước ngặt nghèo, có thầy Lý học cấm, có con Thị Màu lộng lờ, có chị Dậu bệ tặc, có những người con gái chửa hoang bị cạo đầu bôi vôi thò bè chuôi trôi sông.

Nam Kỳ khác Bắc, phần nhiều Nam sông mênh, làng của Nam dựa vô mé sông, giao lưu với làng khác bằng ghe xuồng, bằng những con lộ, người Nam luôn mời khách xa xôi vô chung, giúp đỡ nhau cùng an cư vui vầy, gái làng thích lấy trai xa xứ và thương chông đứt ruột đứt gan vì cái quá khứ “trôi sông lạc chợ” đó.

“Rong chèo ngoài Huân ngựa tể Đông Nai
Nước sông trong chầy lộn sông ngoài
Thương người quân tể lạc loài tới đây,
Tới đây thì lại đây
Bao giờ bến rờ xanh cây sẽ vầy”

Gái Nam Kỳ chịu chơi, dám theo người mình yêu, dám nhận hậu quả do tình yêu đó đem lại.

“Đi đâu cho thiếp theo cùng
Đói no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam
Ví dầu tình có dở dang
Thì cho thiếp gọi đồ ngang thiếp dzĩa”

Ông bà tể tiên Nam Kỳ mình quá hải hùng ắt đặt Bắc học ám nên vô Nam bệ tục gòn hệt.

Họ không muốn con cháu họ phải sông cái cãnh mớ làng rừng rợn phiến xò “hương ước” ắt đình làng như ngoài Bắc.

Làng xóm Nam Kỳ không có hương ước, lệ làng, làng Nam Kỳ là làng mênh, nhưng có những luật bệ thành văn, mọi người phải tôn trọng, làng Nam Kỳ tuân luật triêu đình, tôn trọng quan chề quận, tri huyện.

Thành ra gái Nam thật tiệt thì bị gia đình xò bằng cách đuôi ra khời nhà, nhưng đuôi là thò tục thôi vì lén nhét tiển của cho nó đi trôn khuết mết một thời gian, hoặc đày nó xuồng nhà sau côm ló mặt lên nhà trước trong một hai năm, hoặc ra vườn sau cết nhà mà ắt. Hết thời gian đó cô gái sông lại bình

thường, con cháu máu mủ mình mà.

Nên ai làm phim làm cạo đầu bôi vôi, thò bẻ chuôi trôi sông, thò rọ heo xuống sông, quảng người xuống giếng là không hiểu gì về văn hóa Nam Kỳ. Trước tiên Nam Kỳ chúng tôi chưa bao giờ có ý nghĩ đó trong đầu với con cháu mình.

Người Nam Kỳ không lập gia phả, vì sao ?

Đừng bao giờ nói người Nam Kỳ là lưu dân dốt không biết chữ mà không lập gia phả.

Các bạn nghiên cứu thấy rằng Nho giáo Bắc Kỳ là đầu môi chót lưỡi, tức thể hiện bằng cái miệng, Nho giáo Nam Kỳ thể hiện bằng cách sống.

Có ai đó nói “Người Bắc cao đạo một cách ngây ngô còn người Nam thì thực tế một cách trần trụi”.

Cái chữ trần trụi hơi quá, nhưng những quy tắc bất thành văn ở Nam Kỳ nó vô hình dữ lắm nha, thí dụ dân Nam Kỳ mời bạn ăn cơm, mà bạn ăn húp trong mâm cơm quá, họ không nói, nhưng lần sau sẽ không mời. Người Nam Kỳ luôn để khách tự giác và không nhúc.

Trong làng Nam Kỳ vẫn có người biết chữ Nho, sau là chữ Quốc Ngữ, nên biết chữ Quốc Ngữ được dạy ở Nam Kỳ đầu tiên.

Nhìn đền chùa, miếu mạo Nam Kỳ xưa đi, hoành phi câu đối rất nhiều, đó là bằng chứng.

Không viết gia phả vì thấy không cần thiết. Một xã hội mà thì không cần gia phả.

Xưa dốt rộng người thừa, con cháu đi tứ tán, ở nhà toàn nhờ láng giếng gần đó, có câu “Bán họ hàng xa mua láng giếng gần”.

Là dân gốc lưu dân, dân Nam muộn xóa bỏ quá khứ hãi hùng từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Cách xưng hô “anh C” ở Bắc so với “anh Hai” ở Nam là điển hình.

Rất nhiều người đặt câu hỏi tại sao người Nam gọi “anh C”, “chị C” (người con trư, theo cách gọi miền Bắc) là “anh Hai”, “chị Hai”.

Nhiều người giải thích rằng thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng dân Bắc vào khai phá vùng đất Phương Nam, rằng trong đoàn quân Nam tiến lúc đó, hầu như không có ai là “anh C”, vì đi m cõi thì nguy hiểm, theo tục Bắc phải để người con trư ở lại để phụng dưỡng cha mẹ và chăm sóc mộ phần t tiên; những người ra đi đều là con thứ.

Nói vậy không trug.

Có những gia đình họ om c nhà c dòng họ c a họ vô Nam kìa. Chuyện anh hai ở Nam Kỳ là chuyện đặc trưng, không th giải thích là ông c cạp gì đó mà sợ nên Nam Kỳ tránh “Anh C”, vậy chứ ông Hương C thì sao ? Nam Kỳ có Hương C trong ban hội t



Đơn giản người Nam có tình làm cho khác Bắc Kỳ khi bô cô, chỉ gọi người lớn là anh hai, chị hai.

Bô chữ cô là một dạng dứt áo, cắt đứt với hương ước, lũy tre làng, với họ tộc kinh hoàng kiểu Bắc Kỳ.

Ông Hương Cờ trong Nam đâu có quyên hành gì, chỉ tượng trưng, và là cô duy nhất trong Nam, có lẽ là một chút hoài vọng.

Người Bắc thừa tự là con trưởng, nhưng thừa tự, cúng kiếng trong Nam là con trai út, Nam Kỳ rất thực tế, thằng út lúc nào cũng trụ trung, nó sẽ gánh vác gia đình ở mức hăng hái, thằng hai thì già chát, nhẽ hơn cha mẹ không nhiều gánh gì nữa.

Câu “Giàu út ăn nghèo út chịu” cũng của Nam Kỳ đưa ra.

Thằng út giữ hương hỏa trong nhà, nhưng vẫn không hạ bệ thằng anh hai nha.

Bằng chứng là trong những ngày giỗ chạp, cúng kiếng tết tiên, đám cưới thì ông anh hai vẫn đứng ra tế lễ, thằng út đứng sau lưng anh hai.

Trong họ tộc thì người thứ hai vẫn mang tiếng người đứng đầu, đám cưới thừa gả là ông bác hai hết thảy, ông này chết thì ông bác ba lên thay.

Nhưng anh hai làm lẽ thôi, anh hai không có quyên xen vô chuyện cúng kiếng của thằng út như cúng lớn, cúng nhẽ, cúng ra làm sao. Nam Kỳ chia quyên hết là ở đây.

Ngày nay Nam Kỳ thực tế luôn ở kiểu chia bàn thờ, anh hai giỗ cha, út giỗ mẹ, tới ngày tụ lại hai nhà vui vẻ.

Không gia phả, không họ tộc, không có khái niệm nhà thờ tế, nhưng Nam Kỳ mặc định nhà thằng Út là nhà thờ tế, tức là nhà nào mà cha mẹ, ông bà chết và thờ là nhà tế.

Ông nào giữ hương hỏa có nghĩa vụ làm đám giỗ, không có quyên

chị trộm, ra lệnh này nọ nghĩa vụ với con cháu như tộc trưởng ngoài Bắc.

Con cháu trong Nam sướng là vậy, cứ vớ ăn đám giỗ, giàu mua đồ nhiều, nghèo mua đồ ít, không ai dám nói.

Với bọn chết trọng người sống, kinh người chết ở mức tượng trưng, việc cúng kiếng Nam Kỳ cũng khác Bắc Kỳ.

Thường giữa nhà người Nam đặt cái bàn thờ 7 tầng “Cụ Huyển Thốt T” tức “7 đời tổ tiên trên chín tầng trời”.

Nhưng thực ra người miền Nam cúng giỗ chỉ 3 đời tới ông cụ bà cụ thôi, hết 3 hoặc 4 đời là không cúng kiếng gì nữa.

Có câu “Ngũ đại mai thân chi” (Đến 5 đời thì chôn thân chi), tức đem bài vị chôn hoặc đốt, nhập lại làm một gọi là “Cụ huyển thốt t” và giỗ chung tượng trưng.

“Nước chảy ra thương cha nhớ mẹ
Nước chảy vào thương mẹ nhớ cha”

Cái đình Nam Kỳ rất chan hòa, vui vẻ, là nơi dân làng tụ họp lại cúng thành hoàng rồi ăn uống vui chơi, coi hát bội, nó như một cái sân khu.

Gánh hát về đình là niềm vui bất tận của người Nam Kỳ.

Nam Kỳ không có thằng mõ tay chun của lý trưởng, không có cảnh phạt vạ kiểu Thị Mầu.

Trong cái làng Nam Kỳ có nhà việc là chỉ làm việc của làng, tra án ở đó, không mang vô đình như Bắc Kỳ.

Coi ‘Con nhà nghèo’, bà Cai Hiếu đòi đóng gông Ba Cam thì Hương Quynh đáp lại “Tôi đang tra án nó, mà thà nay làng tôi có gông đâu mà đóng”.

Là gốc lưu dân, không viết gia phả, không lập họ tộc, không lập lũy tre làng, không có ông lý trưởng hét ra lửa

Đấy coi đi trong đám giỗ Nam Kỳ luôn cúng một mâm ngoài sân nhà, đó là mâm cúng lễ, cúng những người khai hoang bỏ mình hồi xưa, sau 1975 CS kêu “mâm chiến sĩ”.

Tất cả các miếu, am, và bàn thờ thiên Nam Kỳ đều có cúng mễ
hạt muồng, gạo và nước, có nơi cúng bó xôi.
Đó là cúng tế tiên gıc lưu dân của mình hồi xưa.

Người Nam Kỳ cúng lễ, cúng đất, cúng cô hồn.
Cúng tế tiên Nam Kỳ chung là ngày 25 tháng Chạp, khi con cháu
tụ về dầy mễ, tào mộ, họ sẽ làm mâm cơm cúng ở nhà, thường là
nấu cháo gà cháo vịt.

Tục thờ ông bà ở Nam Kỳ rất đơn giản, chỉ ba bốn đời, nhưng
không được bỏ bàn thờ tế tiên.
Đã Chiếu chỉ rằng “Sống làm chi theo quân tể đạo-Quảng và
hương đạo bàn độc thảy lại thêm buồn”.

Xưa Nam Kỳ có cái bàn thờ và giường thờ.
Người Pháp qua, đem qua Nam Kỳ cái tể chén đứng kiểu thời
Louis XVI, không cao không thấp, trước tiên là ở xứ Thới Đức
Mộ, sau thợ Gò Công sáng tạo đóng cái tể thờ dựa trên nguyên
lý ráp mộng đi khung của tể kiểu Pháp, nhưng cải tiến theo
phong tục Nam.

Từ đó cái tể thờ này là đặc trưng Nam Kỳ Lục Tỉnh, hiệp cùng
tranh kiểu nữa, ra cái hồn tế tiên Nam kỳ mình.

Trong “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức có đoạn
:

“Vùng Gia Định... đất đai rộng, lương thực nhiều, không lo đói
rét, nên dân ưa sống xa hoa, ít chịu sức tích, quen thói bực
rời. Người tứ xứ. Nhà nào tục nầy... Gia Định có vị trí nam
phương dương minh, nên người khí tiết trung dũng, trong nghĩa
khinh tài...”

Đó là tánh hiếu khách, hào phóng, không câu nệ hình thức,
sống thực dụng.

Dân Nam Kỳ hay đồn ca xướng hát, làm ra đồn ca tài tể và cải
lương vang danh, hệ thống bài lý nhiều như Việt Nam.

Người Nam Kỳ trọng tôn giáo, nhưng kiểu của họ.

Đạo Phật vô Nam biền th, phải trộn với tín ngưỡng dân gian. Dân Nam Kỳ không phải là những tín đồ Phật giáo thuần thành. Các phái Phật trong Nam đều là biền th, chùa trong Nam không lớn.

Công giáo trong Nam Kỳ xưa khác ngoài Bắc, Nam không có các giáo xứ, người Công giáo Nam Kỳ hòa nhập, th tục. Người Công giáo Nam Kỳ luôn ít hơn Công giáo Bắc Kỳ

Sông rạch và đng bằng tạo cho dân Nam Kỳ tánh khng khái, bộc trực, ít chịu cúi lòn, kém th đoạn trong chánh trị, nhưng tràn trề tình thương, biết nhìn người khác, biết cúi mình xung tha thiết với Quc Gia.

Dân Nam Kỳ không những nói ngay mà hay nói lớn tiếng, thiêu trau chuốt, đôi lúc b b.

Không lập gia ph, nhưng con cháu sng làm sao phải ra dáng con người, sng không làm tị nhục t tiên, sng thng, sng có ích, sng không đ tng như cho t tiên, dòng họ.

Người Nam Kỳ dạy con cháu cũng theo ki u m.

Biên cái tục này là đ răn mình.

Biết cái hay cái tệ của mình đ nhìn lại b n thân mình.

Và tính cho ra cách thức t n tại của xứ s mình trước thời cuộc.

—ngu n Nguy n Gia Việt